

Bản án số: **596/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/12/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Trung U**

Bà Nguyễn Thị L

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 484/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trương Thị T**, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: **Anh Trần Văn D**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Chương Mỹ ngày 25 tháng 11 năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 21/9/2004 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 19/3/2010. Cháu Duy đã trưởng thành nên không đề nghị, Chị T đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn D trình bày theo Bản tự khai ngày 01/11/2022 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và Chị T trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2003 tại UBND xã B. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Đầu tháng 10/2022, Chị T tự ý bỏ đi, anh D có cố gắng liên lạc để bảo Chị T về nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay Chị T nộp đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con cái. Anh đồng ý vợ chồng sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 21/9/2004 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 19/3/2010. Nguyên vọng của anh D nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Anh D vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn D đang cư trú tại thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn là anh Trần Văn D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị T, anh D.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội năm 2003 nên hôn nhân giữa Chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh D đều xác nhận vợ chồng đã ly thân đã lâu. Anh D không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Chị T

cương quyết xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của Chị T xin ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 21/9/2004 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 19/3/2010. Hiện tại, cháu Duy đã trưởng thành nên không xem xét, cháu N đang ở với anh D. Nguyên vọng của anh D xin nuôi cháu N, Chị T cũng đồng ý để cháu N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu Trần Khánh N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Chị T cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn D xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 21/9/2004 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 19/3/2010.

Giao cháu Trần Khánh N cho anh Trần Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Cháu Trần Khánh D đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trương Thị T cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076259 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Trương Thị T, anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã B, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSYA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Ngọc T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trung U Nguyễn Thị L

Tưởng Ngọc T